TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 23 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Triệu Thị Phấy
Ông Nguyễn Công Chiểu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/ QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/HSST-QĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày 03/3/1991, tại Huyện C, thành phố Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn Đ, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1965, hiện trú tại Thôn Đ, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai; Con bà: Phùng Thị T, sinh năm 1967 (đã chết). Mẹ kế: Phạm Thị H, sinh năm 1974, trú tại Thôn Đ, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự, tiền án: Không.

Về nhân thân: Bản án số 121/2012/HSST ngày 24/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt Nguyễn Văn T 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt ngày 30/5/2018. Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Phàn Xuân L (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày 08/3/1993, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn K, xã B,

huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phàn A Đ (tức Phàn Văn Đ), sinh năm 1967; Con bà: Lù Thị M, sinh năm 1970, hiện đều trú tại Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự, tiền án: Không.

Về nhân thân: Tại thời điểm phạm tội bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt ngày 30/5/2018. Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Nguyễn Thùy D (Tên gọi khác: Không)

Sinh ngày 23/02/1987, tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn C, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 trú tại xã G, huyện T, tỉnh Yên Bái; Con bà: Nguyễn Thị S, sinh năm 1962 (tức Nguyễn Thị K), trú tại tổ 43, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vợ: Lê Thị L, sinh năm 1994, trú tại Thôn C, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Bị cáo có 01 con sinh năm 2018.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án. Tại bản án số 52/HSPT ngày 27/11/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt Nguyễn Thùy D 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và phạt 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/5/2018. Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại tại Trại giam T - Tổng cục VIII - Bộ công an. Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Bàn Hưởng T, sinh năm 1996 và chị Đặng Thị N, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đặng Thị N là anh Bàn Hưởng T. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn L, sinh năm 1976 và chị Vũ Thị Hải Y, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị Hải Y là anh Phạm Văn L. Vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

4. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1972 và anh Trịnh Văn P, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trịnh Văn P là chị Phạm Thị H. Vắng mặt.

5. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1985 và anh Hà Văn T, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hà Văn T là chị Phạm Thị V. Vắng

mặt.

6. Anh Phạm Duy T, sinh năm 1984 và chị Trần Thị B, sinh năm 1986. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị B là anh Phạm Duy T. Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm1996. Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đức T là chị Vũ Thị L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

9. Chị Trần Thị P, sinh năm 1987 và anh Vũ Văn T, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Văn T là chị Trần Thị P. Vắng mặt.

10. Anh Trần Thanh H, sinh năm 1977 và chị Đinh Minh P, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đinh Minh P là anh Trần Thanh H. Vắng mặt.

***Những người làm chứng*:**

1. Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Lê Văn T, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Đường L, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Anh Trần Quang T, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Tổ 2, khu C, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/10/2017 đến ngày 13/5/2018, Nguyễn Văn T và Phàn Xuân L đã thực hiện tổng cộng 10 vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, trong đó có 09 vụ Phàn Xuân L tham gia trộm cắp cùng Nguyễn Văn T. Diễn biến các vụ án như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng hơn 01 giờ ngày 18/10/2017, Nguyễn Văn T mang theo 01 cờ lê, 01 vam phá khóa hình chữ T, 01 dao bấm gấp bằng kim loại đi bộ quanh thị trấn P, huyện B với mục đích tìm xe máy để trộm cắp. Khi đến gần quán Internet thuộc tổ dân phố P, thị trấn P, T nhìn thấy có 01 xe máy Honda Wave Anpha, màu sơn trắng - đen - bạc, Biển kiểm soát 24B2-105.50 của anh Bàn Hưởng T (sinh năm 1996, trú tại Thôn L, xã T, huyện B) dựng trước cửa quán nên nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo lại gần xe dùng vam cắm vào ổ khóa điện phá khóa xe, rồi dắt xe lùi ra phía ngoài đường nổ máy đi theo hướng ra cầu mới thị trấn P. Khi đến khu vực gần cầu mới, T dừng lại, dùng cờ lê tháo biển số

xe máy và dùng dao gấp tẩy xóa, mài mòn số khung, số máy của xe. Sau đó, điều khiển xe đi đến giữa cầu vứt biển số vừa tháo xuống sông Hồng rồi điều khiển xe lên đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi xuống hiệu cầm đồ "T trọc" ở thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái bán xe cho Nguyễn Thùy D với giá 3.500.000 đồng, số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân hết. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Nguyễn Thùy D không thừa nhận việc đã mua chiếc xe máy trên của Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra không thu giữ được xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: xe Honda Wave Anpha màu trắng - đen - bạc biển kiểm soát 24B2-105.50 có giá trị 18.600.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 10/11/2017, Phàn Xuân L chở Nguyễn Văn T bằng xe máy Honda Super Dream không có biển kiểm soát đi dọc Quốc lộ 4E với mục đích tìm xe máy để trộm cắp. Khi đi đến khu vực Thôn T, xã S, huyện B, cả hai nhìn thấy chiếc xe máy Honda Wave Anpha màu sơn đen - bạc biển kiểm soát 24B1- 850.97 của gia đình anh Phạm Văn L, sinh năm 1976, trú tại Thôn T, xã S, huyện B dựng ở trước cửa một nhà dân không có người trông coi. T bảo L dừng xe cảnh giới, T lại gần dùng vam phá khóa xe, dắt xe ra ngoài, nổ máy đi về hướng ngã ba Xuân Giao, L đi xe máy theo sau. Đến thôn V, xã X, T và L đổi xe máy cho nhau. T bảo L đi chiếc xe vừa trộm cắp được về huyện V, tỉnh Yên Bái bán cho Nguyễn Thùy D, còn T đi chiếc xe máy Dream về thành phố L. Trên đường đi, L tháo biển kiểm soát 24B1-850.97 vứt ở ven đường và dùng cưa sắt mang theo phá số khung, số máy của xe. L gặp Nguyễn Thùy D và thỏa thuận bán xe máy cho D với giá 3.500.000 đồng. Số tiền bán xe T giữ lại 2.000.000 đồng chia cho L 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Thùy D không thừa nhận mua chiếc xe máy trên của Phàn Xuân L nên Cơ quan điều tra không thu hồi được xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: xe Honda Wave Anpha màu đen bạc biển kiểm soát 24B1-850.97 có giá trị 14.400.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 20 giờ ngày 17/11/2017, Phàn Xuân L chở Nguyễn Văn T bằng xe máy Honda Dream không biển kiểm soát đi từ thành phố L dọc theo quốc lộ 70 mục đích tìm xe máy để trộm cắp. Khi đi đến Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai T và L nhìn thấy xe máy Honda Super Dream màu nâu, biển kiểm soát 24B1-427.90 dựng trước cửa nhà bà Hoàng Thị H (trú tại thôn N, xã B) không có người trông coi. L dừng xe đứng ngoài cảnh giới, T đi vào dùng vam phá khóa xe, dắt xe ra ngoài nổ máy đi về hướng thành phố L, L đi xe máy theo sau. Đi đến đoạn đường vắng thuộc địa phận xã B, huyện B, hai bị cáo dừng lại tháo biển số xe máy vừa trộm cắp được vứt ở ven đường và dùng lưỡi cưa để tẩy xóa số khung, số máy. Cả hai điều khiển xe về thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái bán xe cho Nguyễn Thùy D với giá 5.000.000 đồng, số tiền này T

chia cho L 2.000.000 đồng, còn lại T chi tiêu cá nhân hết. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, D không thừa nhận việc đã mua chiếc xe máy trên của T, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: 01 xe Honda Super Dream màu nâu biển kiểm soát 24B1-427.90 có giá trị 11.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 18 giờ ngày 21/11/2017, Phàn Xuân L điều khiển xe máy Honda Dream không biển kiểm soát chở Nguyễn Văn T đi dọc đường Quốc lộ 4E tìm xe máy để trộm cắp. Đi đến khu vực Thôn A, xã S, huyện B, cả hai trộm cắp chiếc xe máy Honda Super Dream màu sơn nâu, biển kiểm soát 24B1-052.93 của gia đình chị Phạm Thị H (trú tại thôn A, xã S). L cảnh giới, T dùng vam phá khóa xe dắt xe ra lề đường nổ máy đi về hướng thị trấn P. Khi đi đến thôn Đ, xã S, các bị cáo tháo biển kiểm soát vứt ở lề đường và dùng lưỡi cưa mài mòn số khung số máy xe. Cả hai tiếp tục điều khiển xe đến huyện V, tỉnh Yên Bái bán cho Nguyễn Thùy D với giá 5.000.000 đồng, số tiền này T giữ 3.000.000 đồng, chia cho L 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra Nguyễn Thùy D không thừa nhận việc đã mua chiếc xe máy trên của Nguyễn Văn T, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐG ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: 01 xe Honda Super Dream màu nâu biển kiểm soát 24B1-052.93 có giá trị 7.400.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 17 giờ ngày 06/01/2018, Phàn Xuân L chở Nguyễn Văn T đi bằng xe máy Honda Dream không có biển kiểm soát đến khu tái định cư thuộc thôn C, xã X, huyện B thì phát hiện có 01 chiếc xe máy Honda Wave Anpha, màu sơn đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 24B1-937.63 của vợ chồng chị Phạm Thị V (trú tại thôn M, xã X) dựng sát mép đường bên phải không có người trông coi. L dừng xe cảnh giới, T dùng vam phá khóa xe nổ máy điều khiển xe đi về hướng ngã ba X. Đi đến ngầm tràn liên thôn C - T thuộc địa bàn xã X, cả hai dừng xe tháo biển kiểm soát vứt xuống ngầm nước và dùng lưỡi cưa sắt mài mòn số khung, số máy của xe. Sau đó cả hai tiếp tục đi về Yên Bái bán xe máy cho Nguyễn Thùy D với giá 3.500.000 đồng. Số tiền này T giữ 2.000.000 đồng, chia cho L 1.500.000đ. Sau khi mua được xe máy của T, Nguyễn Thùy D bán lại chiếc xe cho Trần Quang T (sinh năm 1994, trú tại Tổ 2, khu C, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái) với giá 5.300.000 đồng. Số tiền bán xe có được, D đã chi tiêu hết. Đối với chiếc xe trên, đã được Cơ quan điều Công an thành phố L thu giữ và bàn giao cho Công an huyện B để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 16/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: 01 chiếc xe máy Honda Wave Anpha, màu sơn đỏ đen bạc, biển kiểm soát 24B1-

937.63 có giá trị 16.400.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/02/2018, Phàn Xuân L điều khiển xe máy Honda Dream không có biển kiểm soát chở Nguyễn Văn T đi từ thành phố L đến thị trấn P theo Quốc lộ 4E để tìm xe máy trộm cắp. Các bị cáo nhìn thấy 01 chiếc xe máy Super Dream màu nâu biển kiểm soát 24K9-8514 của anh Phạm Duy T (trú tại Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B) dựng trước cửa nhà anh Phạm Duy T. Khi xuống đến gần khu vực dựng xe, L đứng ở lề đường cảnh giới, T lại gần chiếc xe, dùng vam phá khóa điện, dắt xe lùi ra ngoài đường nổ máy điều khiển xe đi lên cầu mới thị trấn P, L cũng điều khiển xe đi theo T. Khi đi đến chân cầu mới, cả hai dừng lại tháo biển kiểm soát của xe máy vừa trộm cắp được, vứt xuống sông Hồng rồi điều khiển xe xuống Yên Bái bán cho Nguyễn Thùy D được 5.000.000 đồng T chia cho L 2.000.000 đồng, số tiền còn lại T giữ chi tiêu cho bản thân. Tuy nhiên, quá trình điều tra, Nguyễn Thùy D không thừa nhận đã mua xe của T và L, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐG ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: chiếc xe máy Super Dream màu nâu biển kiểm soát 24K9-8514 có giá trị 427.500 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 19 giờ ngày 14/3/2018, Phàn Xuân L điều khiển xe máy Honda Dream không biển kiểm soát chở Nguyễn Văn T đi trộm cắp xe máy. Khi đi đến Thôn N, xã S, huyện B, các bị cáo thực hiện trộm cắp xe máy Honda Airblade màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 24P4-8972 của Chị Nguyễn Thị L (trú tại thôn N, xã S) dựng ở ngoài sân. L dừng xe cảnh giới, T dùng vam phá ổ khóa điện, dắt xe ra đường, nổ máy rồi điều khiển xe đi về hướng ngã ba Xuân Giao. Khi đi được khoảng 3-4km, cả hai dừng xe dùng cờ lê tháo biển số xe vứt ở lề đường, sau đó điều khiển xe đi lên thành phố L. T bán xe cho một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ làm nghề bốc vác ở Km 6, xã B, huyện B được 4.000.000 đồng, T và L đã chia đôi số tiền trên và đã tiêu xài hết. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác định được người đàn ông mua xe của T nên không thu giữ được xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: 01 xe Honda Airblade màu đỏ - đen - bạc biển kiểm soát 24P4-8972 có giá trị 5.320.000 đồng.

Vụ thứ tám: Khoảng 20 giờ ngày 18/4/2018, Phàn Xuân L chở Nguyễn Văn T bằng xe máy Honda Dream không biển kiểm soát đi dọc Quốc lộ 70 để tìm xe máy trộm cắp. Khi đi đến khu vực Thôn N, xã B, huyện B, T và L thực hiện trộm cắp chiếc xe máy Yamaha Sirius màu đen - vàng, biển kiểm soát 24B1-698.27 của anh Nguyễn Đức T (trú tại Thôn N, xã B, huyện B). T bảo L dừng xe máy đứng ở lề đường cảnh giới còn T xuống xe đi đến vị trí dựng xe dùng vam phá ổ khóa điện, dắt xe ra phía ngoài đường, nổ máy cùng L điều

khiển xe đi về hướng thành phố L. Khi đi đến thôn B, xã B, huyện B, L dừng xe dùng cờ lê tháo biển số xe máy vừa trộm cắp được vứt ở lề đường. Đối với chiếc xe này T và L không bán mà dùng làm phương tiện đi lại. Để tránh bị phát hiện, T lắp biển số 24B1-649.59 mà T nhặt được ở thành phố L vào xe. Ngày 24/4/2018, T điều khiển xe máy này đi đến thôn T, xã T, Huyện C. Tuy nhiên, do nghi ngờ có người theo dõi nên T đã vứt chiếc xe máy ở ven đường. Sau đó, Công an huyện C đã phát hiện, thu giữ và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: 01 xe Yamaha Sirius màu đen vàng, biển kiểm soát 24B1- 698.27 có giá trị 14.190.000 đồng.

Vụ thứ chín: Khoảng 21 giờ ngày 22/4/2018, Phàn Xuân L chở Nguyễn Văn T bằng xe máy Honda Dream không biển kiểm soát đi từ thị trấn P đến Thôn B, xã X, huyện B. Tại đây các bị cáo thực hiện trộm cắp chiếc xe máy Super Dream màu nâu biển kiểm soát 24K8-2242 của vợ chồng chị Trần Thị P và anh Vũ Văn T (cùng trú tại thôn B, xã X) dựng ở sân trước cửa nhà. L dừng xe đứng cảnh giới, T dùng vam phá ổ khóa điện, dắt chiếc xe ra ngoài đường nổ máy cùng L đi về hướng thành phố L. Trên đường đi, L dùng cờ lê tháo biển số xe máy vứt ở lề đường thuộc khu vực thôn B, xã B, huyện B. Chiều 23/4/2018, T điều khiển xe Super Dream trộm cắp được đến thành phố L bán cho anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã S, thành phố L. Khi mua bán xe, T nói dối là xe vừa đi bảo dưỡng, do không có đủ tiền nên bán và hẹn sẽ đưa lại cho T1 biển số xe và giấy đăng ký sau. Do tin tưởng nên T1 đồng ý mua chiếc xe này với giá 5.500.000 đồng. T đã chia cho L 1.500.000 đồng, còn lại T giữ lại tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua được xe máy, mấy hôm sau T1 bán xe cho Nguyễn Trọng T, sinh năm 1993, trú tại Bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu với giá 5.500.000 đồng. Khi mua bán xe, T1 nói cho Nguyễn Trọng T biết xe có giấy tờ và biển kiểm soát, đồng thời hẹn đưa cho Nguyễn Trọng T sau. Sau đó, anh Nguyễn Trọng T đã lắp chiếc biển số 25F4-5322 mà anh Nguyễn Trọng T nhặt được tại thành phố L vào chiếc xe để đi lại. Ngày 27/5/2018, khi được thông báo chiếc xe là do trộm cắp mà có, anh Nguyễn Trọng T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L. Hiện tại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã bàn giao chiếc xe (không có biển kiểm soát) cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 17/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: 01 xe Super Dream màu nâu, biển kiểm soát 24K8-2242 có giá trị 6.500.000 đồng.

Vụ thứ mười: Khoảng 20 giờ ngày 13/5/2018, Phàn Xuân L điều khiển xe máy Honda Dream không biển kiểm soát chở Nguyễn Văn T đi trên đường Quốc lộ 70 tìm xe máy sơ hở để trộm cắp. Khi đến khu vực Tổ dân phố số 5, thị

trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai T phát hiện có 01 xe máy Honda Super Dream màu nâu biển kiểm soát 24P5-7511 của vợ chồng anh Trần Thanh H, sinh năm 1977 và chị Đinh Minh P, sinh năm 1979, cùng trú tại Tổ dân phố số 5, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai dựng trước cửa nhà, không có người trông coi T bảo L dừng xe để trộm cắp chiếc xe này. L dừng xe máy đứng cách vị trí dựng chiếc xe máy định trộm cắp 38 mét để cảnh giới, còn T đi bộ lại gần chiếc xe máy, T đứng bên trái xe, tay phải cầm vam cắm vào ổ khóa điện phá khóa. Mở được khóa, T dắt lùi chiếc xe máy ra ngoài lề đường Quốc lộ 70, ngồi lên xe, nổ máy cùng L đi về hướng về thị trấn P. Đến đoạn đường vắng thuộc xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai T dừng xe máy, dùng vam mở cốp xe máy thì phát hiện có giấy đăng ký xe mang tên Trần Thanh H. Sau đó, cả hai tiếp tục điều khiển xe lên thành phố L. Đến khoảng 22 giờ ngày 15/5/2018, T đi xe máy đến cửa hàng mua bán xe máy cũ Ngọc T của anh Lê Văn T, sinh năm 1989, trú tại đường L, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai bán chiếc xe cho anh Lê Văn T với giá 15.000.000 đồng. Số tiền này, T chia cho L 1.000.000 đồng, số còn lại T tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mất trộm chiếc xe, anh Trần Thanh H đã thông báo và cùng người nhà đi tìm nhiều nơi nhưng không thấy. Đến ngày 21/5/2018, người nhà phát hiện chiếc xe và báo cho anh Trần Thanh H, anh Trần Thanh H đã đến chuộc lại chiếc xe của anh Lê Văn T với giá 15.000.000 đồng. Ngày 24/6/2018, anh Trần Thanh H đã giao nộp lại chiếc xe máy trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai để phục vụ công tác điều tra vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24a/KL-HĐĐG ngày 09/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lào Cai kết luận: 01 xe Honda Super Dream màu nâu biển kiểm soát 24P5-7511 có giá trị 4.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 04/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Thùy D về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Điểm b, c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thùy D phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015. Trong đó:

Về hình phạt chính:

Áp dụng Điểm b, c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; Đề nghị xử phạt bị cáo Phàn Xuân L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề Xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy D từ 09 tháng 12 tháng tù.

Áp dụng Điều 56, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án hình sự số 14/2019/HS-ST ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L; Tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đối với bị cáo Nguyễn Thùy D theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là đối tượng không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Bàn Hưởng T và chị Đặng Thị N số tiền 18.600.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và Phàn Xuân L phải liên đới bồi thường cho vợ chồng anh Phạm Văn L chị Vũ Thị Hải Y; bà Hoàng Thị H; chị Phạm Thị H và anh Trịnh Văn P; anh Phạm Duy T chị Trần Thị B; Chị Nguyễn Thị L; vợ chồng anh Trần Thanh H và chị Đinh Minh P lần lượt số tiền là 14.400.000 đồng; 11.000.000 đồng; 7.400.000 đồng; 5.000.000 đồng; 5.320.000 đồng; 15.000.000 đồng. Quy phần mỗi bị cáo như sau:

+ Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường tổng số tiền 57.529.000 đồng cụ thể:

Bồi thường cho anh Bàn Hưởng T chị Đặng Thị N số tiền 18.600.000 đồng

Bồi thường cho anh Phạm Văn L chị Vũ Thị Hải Y số tiền 8.229.000 đồng

Bồi thường cho bà Hoàng Thị H số tiền 6.600.000 đồng.

Bồi thường cho vợ chồng chị Phạm Thị H anh Trịnh Văn P số tiền 4.440.000 đồng.

Bồi thường cho anh Phạm Duy T chị Trần Thị B số tiền 3.000.000 đồng.

Bồi thường cho Chị Nguyễn Thị L số tiền 2.660.000 đồng

Bồi thường cho anh Trần Thanh H chị Đinh Minh P số tiền 14.000.000 đồng.

+ Bị cáo Phàn Xuân L phải bồi thường 19.191.000 đồng cụ thể

Bồi thường cho anh Phạm Văn L chị Vũ Thị Hải Y số tiền 6.171.000 đồng.

Bồi thường cho bà Hoàng Thị H số tiền 4.400.000 đồng.

Bồi thường cho vợ chồng chị Phạm Thị H anh Trịnh Văn P số tiền 2.960.000 đồng.

Bồi thường cho anh Phạm Duy T chị Trần Thị B số tiền 2.000.000 đồng.

Bồi thường cho Chị Nguyễn Thị L số tiền 2.660.000 đồng

Bồi thường cho anh Trần Thanh H chị Đinh Minh P số tiền 1.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Truy thu của Nguyễn Văn T số tiền 6.000.000 đồng, truy thu của Phàn Xuân L số tiền 3.000.000 đồng và truy thu của Nguyễn Thùy D số tiền 5.300.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T và Phàn Xuân L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo khai nhận do lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ ngày 18/10/2017 đến ngày 13/5/2018, hai bị cáo đã thực hiện tổng cộng 10 vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện B, trong đó có 09 vụ Phàn Xuân L tham gia trộm cắp cùng Nguyễn Văn T. Hành vi chủ yếu của các bị cáo là lợi dụng trời tối, chủ sở hữu sơ hở trong quản lý tài sản, các bị cáo đã nhanh chóng tiếp cận dùng công cụ chuẩn bị sẵn để lấy trộm tài sản. Sau khi có được tài sản, các bị cáo đã tháo biển kiểm soát, mài số khung số máy nhằm tránh bị phát hiện và nhanh chóng mang đi tiêu thụ, dùng tiền có được từ trộm cắp là nguồn sống chính. Tổng giá trị tài sản bị cáo T đã trộm cắp là 98.737.500 đồng, bị cáo L đã trộm cắp là 80.137.500 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là "Có tính chất chuyên nghiệp" và "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này bị cáo T và L là đồng phạm mang tính chất giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng và thực hành tích cực nhất, bị cáo trực tiếp dùng vam phá khóa xe, điều khiển xe đi tiêu thụ và chia tiền cho bị cáo L, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò chính. Bị cáo L là người thực hành và giúp sức tích cực, trực tiếp đứng cảnh giới, sau khi lấy được tài sản bị cáo đã dùng cờ lê tháo biển kiểm soát của xe, mài số khung số máy và cùng T mang tài sản đi tiêu thụ, bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai trong vụ án.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa bàn huyện B. Do đó hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Thùy D: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo D chỉ thừa nhận do hám lợi nên ngày 06/01/2018 bị cáo đã mua

chiếc xe máy Honda Wave Alpha biển kiểm soát 24B-937.63 của chị Phạm Thị V trị giá 16.400.000 đồng (vụ thứ 5) mặc dù biết rõ đây là tài sản do bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L trộm cắp mà có. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L đều khai đã bán tài sản trộm cắp được cho Nguyễn Thùy D trong 5 vụ khác (vụ thứ 1, 2, 3, 4, 6) tuy nhiên Nguyễn Thùy D không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã sử dụng các biện pháp nghiệp vụ nhưng không thu hồi được tài sản và không chứng minh được Nguyễn Thùy D đã tiêu thụ tài sản của 5 vụ đó. Do đó chỉ có đủ cơ sở xác định bị cáo D phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[2]. Về nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo T và D đều có nhân thân xấu. Bị cáo T từng bị xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 121/2012/HSST ngày 24/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố L, bị cáo đã được xóa án tích. Đối với bị cáo Nguyễn Thùy D, tại bản án số 52/HSPT ngày 27/11/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt Nguyễn Thùy D 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngoài ra bị cáo T và L còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe máy tại địa bàn thành phố L và huyện V. Trước khi bị xét xử vụ án này, bị cáo T và L đã bị Tòa án nhân dân thành phố L và Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai xử phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo D đã bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thùy D có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, L và D có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về tổng hợp bản án:

Tại bản án số 14/2019/HSST ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp với 09 năm tù tại bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 11 năm 09 tháng tù và xử phạt bị cáo Phàn Xuân L 02 năm 03 tháng tù, tổng hợp với 07 năm 06 tháng tù tại bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, buộc bị cáo Phàn Xuân L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 09 năm 09 tháng tù.

Tại bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy D 03 năm 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Các bản án trên đã có hiệu lực pháp luật, nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Về các vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với anh Trần Quang T đã mua lại chiếc xe Honda Wave Anpha biển kiểm soát 24B1-937.63 của bị cáo Nguyễn Thùy D (vụ thứ 5); Anh Nguyễn Văn T1 mua lại chiếc xe máy Super Dream biển kiểm soát 24K8-2242 của Nguyễn Văn T (vụ thứ 9); Anh Nguyễn Trọng T mua lại chiếc xe Super Dream 24K8-2242 của anh Nguyễn Văn T1 (vụ thứ 9); Anh Lê Văn T là người mua xe máy biển kiểm soát 24P5-7511 của Nguyễn Văn T (vụ thứ 10). Tại thời điểm mua bán người mua đều không biết nguồn gốc tài sản là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý, xét thấy là phù hợp.

Đối với người đàn ông làm bốc vác ở Km6, xã B, huyện B đã mua chiếc xe máy Honda Airbalde màu đỏ - đen - bạc biển kiểm soát 24P4-8972 (vụ thứ 7) của bị cáo T với giá 4.000.000 đồng. Đến nay cơ quan điều tra không xác định được tên tuổi địa chỉ người đàn ông này nên không có đủ căn cứ để xử lý trước pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi được 04 chiếc xe mô tô gồm chiếc xe Honda Wave Anpha biển kiểm soát 24B1-937.63 của vợ chồng chị Phạm Thị V; Xe Yamaha Sirius biển kiểm soát 24B1-698.27 của anh Nguyễn Đức T; Xe Super Dream biển kiểm soát 24K8-2242 của vợ chồng chị Trần Thị P; xe Honda Super Dream biển kiểm soát 24P5-7511 của vợ chồng anh Trần Thanh H và đã xử lý trả lại 04 chiếc xe nêu trên cho các chủ sở hữu. Sau khi nhận lại tài sản vợ chồng chị Phạm Thị V, anh Nguyễn Đức T và vợ chồng chị Trần Thị P đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với anh Trần Thanh H yêu cầu bị cáo T và L liên đới bồi thường cho gia đình anh 15.000.000 đồng là số tiền vợ chồng anh đã tự nguyện bỏ tiền ra để chuộc lại chiếc xe máy từ anh Lê Văn T. Xét thấy yêu cầu của anh là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận, trong vụ này các bị cáo bán xe được 15.000.000 đồng, L hưởng 1.000.000 đồng, T hưởng 14.000.000 đồng, do đó cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tương ứng với số tiền các bị cáo được hưởng. Cụ thể cần buộc bị cáo T bồi thường 14.000.000 đồng, bị cáo L bồi thường 1.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave Anpha biển kiểm soát 24B2-105.50 của vợ chồng anh Bàn Hưởng T, cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản, anh Bàn Hưởng T yêu cầu bị cáo T phải bồi thường 18.600.000 đồng, xét thấy là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với xe Honda Wave Anpha biển kiểm soát 24B1-850.97 của vợ chồng anh Phạm Văn L; xe Honda Super Dream biển kiểm soát 24B1-427.90 của bà Hoàng Thị H; xe Honda Super Dream biển kiểm soát 24B1-052.93 của

vợ chồng chị Phạm Thị H; xe Super Dream biển kiểm soát 24K9-8514 của vợ chồng anh Phạm Duy T; xe Honda Airbalde biển kiểm soát 24P4-8972 của Chị Nguyễn Thị L. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được 05 chiếc xe trên. Đến nay anh Phạm Văn L yêu cầu bị cáo T và L phải bồi thường số tiền là 14.400.000 đồng; bà Hoàng Thị H yêu cầu bị cáo T và L bồi thường 11.000.000 đồng, chị Phạm Thị H yêu cầu bị cáo T và L bồi thường 7.400.000 đồng, chị Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo T và L bồi thường 5.320.000 đồng. Yêu cầu của các bị hại là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại tương ứng với số tiền các bị cáo được hưởng. Cụ thể bị cáo T phải bồi thường cho anh Phạm Văn L 8.208.000 đồng, bồi thường cho bà Hoàng Thị H 6.600.000 đồng, bồi thường cho chị Phạm Thị H 4.440.000 đồng bồi thường cho chị Nguyễn Thị L 2.660.000 đồng. Bị cáo L phải bồi thường cho anh Phạm Văn L 6.192.000 đồng, bồi thường cho bà Hoàng Thị H 4.400.000 đồng, bồi thường cho chị Phạm Thị H 2.960.000 đồng, bồi thường cho chị Nguyễn Thị L 2.660.000 đồng.

Đối với vợ chồng anh Phạm Duy T, theo kết luận định giá tài sản thì chiếc xe của gia đình anh giá trị 427.500 đồng, tuy nhiên tại thời điểm xảy ra vụ án các bị cáo đã bán xe được 5.000.000 đồng nên anh yêu cầu các bị cáo bồi thường cho gia đình anh số tiền trên, đến nay các bị cáo đều nhất trí nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc các bị cáo phải bồi thường tương ứng với số tiền các bị cáo được hưởng. Cụ thể bị cáo T phải bồi thường 3.000.000 đồng; Bị cáo L phải bồi thường 2.000.000 đồng.

Đối với anh Trần Quang T mua lại xe Honda Wave Anpha biển kiểm soát 24B1-937.63 của Nguyễn Thùy D (vụ thứ 5) và anh Nguyễn Trọng T mua lại xe Honda Super Dream biển kiểm soát 24K8-2242 của Nguyễn Văn T1 (vụ thứ 9), đến nay các anh đều không có yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền đã nhận nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu 04 chiếc xe mô tô gồm chiếc xe máy Honda Wave Anpha biển kiểm soát 24B1-937.63 của vợ chồng chị Phạm Thị V; xe Yamaha Sirius biển kiểm soát 24B1-698.27 của anh Nguyễn Đức T; xe Honda Super Dream biển kiểm soát 24K8-2242 của vợ chồng chị Trần Thị P; xe Honda Super Dream BKS 24P5-7511 của vợ chồng anh Trần Thanh H. Ngoài ra còn thu giữ 01 chiếc biển kiểm soát 24B1-649.59 của anh Vi Đại N, sinh năm 1993, trú tại tổ 29, phường P, thành phố L. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại 04 chiếc xe và chiếc biển kiểm soát nêu trên cho các chủ sở hữu, xét thấy là đúng pháp luật.

Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 chiếc vam bằng kim loại có kích thước dài 8cm, phần đầu vam được hàn cố định với một đoạn sắt hình chữ L; 01 con dao gấp bằng kim loại dài 15cm (khi gấp vào) dài 27cm (khi mở ra); 01 cờ lê dài 12cm, rộng 10mm. Các bị cáo đã sử dụng các phương tiện trên để thực hiện trộm cắp tại địa bàn huyện B và thành phố L. Ngoài ra còn thu giữ chiếc biển kiểm soát 25F4- 5322 mà anh Nguyễn Trọng T nhặt được lắp vào chiếc xe Honda

Super Dream biển kiểm soát 24K8-2242 mua lại của anh Nguyễn Văn T1 (vụ thứ chín). Đến nay, những vật chứng trên đã được cơ quan Cơ quan điều tra Công an thành phố L thu giữ và được xử lý vật chứng tại bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc cờ lê 10 và lưỡi cưa sắt mà bị cáo Phàn Xuân L dùng để tháo biển số xe máy và tẩy xóa, mài mòn số khung, số máy, bị cáo L khai nhận vào cuối tháng 5/2018 đã vứt xuống sông Hồng ở cầu C, thành phố L, Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe máy Honda Dream không biển kiểm soát mà bị cáo T và L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp. Bị cáo T khai mua chiếc xe này của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ vào cuối năm 2016. Đến nay các bị cáo không nhớ đã bán chiếc xe máy này cho ai ở đâu nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để truy tìm chiếc xe trên, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 09 chiếc biển kiểm soát của những chiếc xe mà các bị cáo đã lấy trộm được gồm: 24B2-105.50, 24B1-850.97, 24B1-427.90, 24B1-052.93, 24B1-937.63, 24K9-8514, 24P4-8972, 24B1-698.27, 24K8-2242, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được những biển số xe trên, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với bị cáo T và L bán xe máy Honda Wave Alpha biển kiểm soát 24B1-93763 cho bị cáo D được 3.500.000 đồng (T được hưởng 2.000.000 đồng và L được 1.500.000 đồng), sau khi mua xe, D bán lại xe cho anh Trần Quang T được 5.300.000 đồng. Ngoài ra bị cáo T và L còn bán xe Honda Dream 24K8-2242 cho Nguyễn Văn T1 được 5.500.000 đồng (T được hưởng 4.000.000 đồng, L được hưởng 1.500.000 đồng). Xét thấy đây là tiền các bị cáo phạm tội mà có và các bị cáo đã tiêu xài hết, cơ quan điều tra đã thu hồi được tài sản trả cho chủ sở hữu, người mua xe là anh Trần Quang T, anh Nguyễn Văn T1 và anh Nguyễn Trọng T không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả nên Hội đồng xét xử xét thấy cần truy thu số tiền các bị cáo đã được hưởng lợi để tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể, cần truy thu của bị cáo T 6.000.000 đồng, bị cáo L 3.000.000 đồng, bị cáo D 5.300.000 đồng.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo:

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc tranh tụng tại phiên tòa để quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm b, c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm tù. Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt 11 (mười một) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 14/2019/HSST ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 15 (mười lăm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2018.

Xử phạt bị cáo Phàn Xuân L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 14/2019/HSST ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai, buộc bị cáo Phàn Xuân L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 13 (mười ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2018.

Căn cứ Khoản 1 Điều 323; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thùy D phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy D 09 (chín) tháng tù. Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, buộc bị cáo Nguyễn Thùy D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 587, 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Bàn Hưởng T và chị Đặng Thị N 18.600.000 đồng (mười tám triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và Phàn Xuân L phải liên đới bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau: Bồi thường cho anh Phạm Văn L và chị Vũ Thị Hải Y 14.400.000 đồng (mười bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng); Bồi thường cho bà Hoàng Thị H 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng); Bồi thường cho chị Phạm Thị H và anh Trịnh Văn P 7.400.000 đồng (bẩy triệu, bốn trăm ngàn đồng); Bồi thường cho anh Phạm Duy T và chị Trần Thị B 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); Bồi thường cho Chị Nguyễn Thị L 5.320.000 đồng (năm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng); Bồi thường cho Trần Thanh H và chị Đinh Minh P 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Cụ thể phần của mỗi bị cáo như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Phạm Văn L và chị Vũ Thị Hải Y 8.208.000 đồng (tám triệu, hai trăm linh tám ngàn đồng); Bồi thường cho bà Hoàng Thị H 6.600.000 đồng (sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng); Bồi thường cho chị Phạm Thị H và anh Trịnh Văn P 4.440.000 đồng (bốn triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng); Bồi thường cho anh Phạm Duy T và chị Trần Thị B 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); Bồi thường cho Chị Nguyễn Thị L 2.660.000 đồng (hai triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng); Bồi thường cho anh Trần Thanh H và chị Đinh Minh P 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Bị cáo Phàn Xuân L phải bồi thường cho anh Phạm Văn L và chị Vũ Thị Hải Y 6.192.000 đồng (sáu triệu, một trăm chín mươi hai ngàn đồng); Bồi thường cho bà Hoàng Thị H 4.400.000 đồng (bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng); Bồi thường cho chị Phạm Thị H và anh Trịnh Văn P 2.960.000 đồng (hai triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng); Bồi thường cho anh Phạm Duy T và chị Trần Thị B 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Bồi thường cho Chị Nguyễn Thị L 2.660.000 đồng (hai triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng); Bồi thường cho anh Trần Thanh H và chị Đinh Minh P 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

Tổng cộng số tiền bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho các bị hại là 57.508.000 đồng (năm mươi bẩy triệu, năm trăm linh tám ngàn đồng).

Tổng cộng số tiền bị cáo Phàn Xuân L phải bồi thường cho các bị hại là 19.212.000 đồng (mười chín triệu, hai trăm mười hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Áp dụng Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tuyên truy thu của Nguyễn Văn T số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tuyên truy thu của Phàn Xuân L số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tuyên truy thu của Nguyễn Thùy D số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu, ba trăm ngàn đồng) để tịch nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.875.400 đồng (hai triệu, tám trăm bẩy mươi lăm ngàn, bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 3.075.400 đồng (ba triệu, không trăm bẩy mươi lăm ngàn, bốn trăm đồng).

Buộc bị cáo Phàn Xuân L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 960.600 đồng (chín trăm sáu mươi ngàn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 1.160.600 đồng (một triệu, một trăm sáu mươi ngàn, sáu trăm đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thùy D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND Bảo Thắng (2);
- Công an Bảo Thắng (2);
- PC 81; Sở tư pháp tỉnh LC;
- Bị cáo (3);
- Bị hại (10);
- THAHS (4);
- Lưu HS,TA,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng